

CHỮ KINH TẬP YẾU

QUYỂN 14

PHẦN THỨ 23: MƯỜI ĐIỀU ÁC

- Duyên sát sanh
- Duyên trộm cắp
- Duyên tà dâm
- Duyên vọng ngữ
- Duyên ác khẩu
- Duyên hai lưỡi
- Duyên thù dật
- Duyên xan tham
- Duyên sân nhuế
- Duyên tà kiến

Thứ 1: Duyên sát sanh

Hễ sanh vào trong sáu đường, tất cả chúng sanh ai cũng tham luyến sự sống. Đã nương gá vào tinh cha huyết mẹ để có thân hình này, hầu hết chúng ta ai cũng sợ chết. Thế rồi trong cõi bể dâu tan thương thăng trầm vạn nẻo ấy, người ngu cũng như kẻ trí luôn muốn tìm cho mình một nơi an nhàn để tránh xa tục lụy. Bởi vậy, trong lịch sử nhân loại, ghi lại lắm chuyện li kì và đầy kịch tính, như nên Kinh Cầm Đầu Án, xin nộp mạng cho quân Ngụy, hoặc loài thú cùng đường khi vào lò mổ còn van xin được sống nơi hoang dã. Vua nước Hán cho bánh muốn được đáp đền bằng ngọc minh châu, Dương Bảo dâng hoa liền mong được vòng ngọc trắng. Cho đến vị Sa di cứu đàn kiến lại được sống lâu, hoặc theo dòng nước cứu cá lại được Trời ban cho trân bảo. Nói chung tất cả những chuyện như vậy, xảy ra trong cuộc đời này, không biết mực nào diễn tả hết. Do đó, mới biết mọi việc làm của con người đều có nhân quả rõ ràng. Kẻ gây ác nghiệp chắc chắn sẽ nhận lấy quả xấu đúng như sự tạo tác của mình. Tuy nhiên do không thấu hiểu, con người

thường giết hại nhiều sinh vật khiến cho chúng chịu đựng bi thương khổ não vô cùng, đến nỗi mặt đất tuy rộng nhưng chẳng có chỗ dung thân và Trời cao không thể nghe được lời cầu cứu van xin. Cho nên trong kinh dạy: Tất cả chúng sanh đều sợ dao gậy, luyến tiếc sống. Lấy việc tha thứ cho mình có thể làm ví dụ nên chớ giết, chớ đánh. Nhưng kẻ phạm tục điên đảo, tà kiến, Vô minh, hoặc vì việc xấu tốt, chuyện chung, chuyện riêng, cúng bái, chiêu đãi khách mời, nên thường bảo nhà bếp, làm thịt, nấu nướng các loài sanh vật để bày tiệc dâng hiến mọi người. Hoặc là cuối năm Tết đến, công việc hoàn tất, Trời âm đạ sa sương, đồng nội nóng nực như lửa đốt. Lúc ấy, phi ngựa như gió, thả chim Ưng bay liệng như điện chớp và dang kiếm dương cung oai hùng như bậc tướng sĩ xua đuổi các loài vào rừng rậm, ở hang, núp cây, đào phá hang tổ, bủa lưới khắp đồng trống, giăng bẫy khắp núi cao, hoặc ngăn trước đường, ngăn trái, chặn phải, cát bụi mờ mịt, khói lửa mù trời làm cho chim lạc bạn kinh hãi bay đi, thú lia đàn vội vã tháo chạy. Nhận nghe tiếng dây cung tranh nhau bay tán loạn. Vượn ôm cây rên rỉ thảm thương. Muôn loài đều lâm vào cảnh cùng đường, kêu gào bi thảm. Ở rừng sâu mà dứt tiếng. Sở dĩ cung tên không phải bắn chơi, nên làm cho muôn thú rách nát, thủng ức, vỡ đầu, hại não. Hoặc lại buông câu xuống nước đục ven sông, rải mồi ở dòng nước trong sạch. Học cách câu cá ở ven sông cũng như bắn cá nơi hang giếng. Mọi tin tức đưa đi đều bật vô âm tín. Bản chất muôn màu của cánh bướm thuyền hay đưa người đi mật báo cũng tan tành từng mảnh vụn. Có chiếm được địa bàn thì thân thể nát tan, địa bàn cũng hủy hoại. Nếu lại có dân rợ nổi dậy thì Vua phải thân chinh đánh dẹp. Biên giới có phản tặc thì phải nhờ đến các thần võ. Tuy Vua chúa hiền lương nhưng còn phải động đến can qua. Bậc hiền triết minh quân còn phải đi chinh phạt. Cho nên, chiến dịch ở núi Nhi mới nêu cao danh. Sư ở nơi thanh vắng mới xứng danh đức độ. Trong ấy , hoặc có trăm vạn người ủng hộ chiến tranh, dẫn năm ngàn người tiến tới, đánh tan Tào công ở trận Xích Bích, bắt Hạng vũ ở sông Ô, bêu đầu ở đài cao, đem thầy chết để nơi phố chợ. Tất cả đều là những bậc anh hùng, một mai oai võ, đương thời lưu truyền như thế, không thể ghi chép. Xương chất thành núi, máu chảy đầy sông. Ngày nay Vua chúa nổi dậy tàn hại kẻ yêu nghịch, đem quân vây đánh, dò xét biên giới, dự bị quân mã, thao lược hùng mạnh, dưới bóng cờ xí như mây thì ai đâu dám tự an, ở giữa binh khí như sương nên tin rằng còn nhiều hiểm nạn. Vì vậy đành phải buông đao, cúi đầu cầu xin tha mạng. Những tội như thế không thể trình bày hết được. Phạm là chúng sanh

đều làm tổn hại nhau, vì oán, vì thù, phụ bạc thân mạng. Hoặc gây nhân giết hại liền bị quả báo nhiều bệnh. Nguyên từ ngày nay, xa lìa giết hại, cho đến kiếp vị lai nguyện làm quyến thuộc Bồ-đề, không hoại duyên tốt, gần gũi đạo pháp.

Lại nữa, kinh Niệm Chánh Pháp dạy: Thế nào là không giết hại?

Nếu các giống lúa sanh các trùng nhỏ thì không được xay, giã. Biết lúa có trùng nên bảo hộ thân mạng chúng, không được chuyển giao cho người khác, lại không được giết hại. Hoặc trên lưng trâu, ngựa, lạc đà, lừa mang vác nặng nên ung nhọt bên trong sanh trùng thì phải lấy nước rửa ung nhọt, không dùng cỏ thuốc giết hại vi trùng. Nên dùng lông chim lau rửa để lấy trùng ra khỏi những cục thịt thối làm cho chúng được toàn mạng và bảo hộ trâu, lừa...ấy khỏi bị tổn hại thân mạng và bảo hộ mạng sống côn trùng dù chỉ một con kiến nhỏ. Hoặc vào ban đêm, ban ngày lúc đi phải giữ chánh niệm, tâm không nghĩ đến sự giết hại. Nếu thấy chúng sanh muốn ăn côn trùng thì nên lấy thức ăn của mình mà đổi lấy chúng làm cho chúng được thoát nạn.

Lại nữa, luật Tỳ-nại-da dạy: Thuở xưa, lúc Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có một Bà-la-môn thường cúng dường cho Tỳ-kheo La-hán Ca Lưu Đà Di. Bà-la-môn ấy chỉ có một người con đã đến tuổi trưởng thành nên cưới vợ. Lúc sắp chết Bà-la-môn dạy con: Sau khi cha qua đời con nên xem Tôn giả Ca Lưu Đà Di như cha ngày nay, chớ để Tôn giả thiếu thốn.

Bấy giờ, cha mẹ đều qua đời. Người con vâng lời cha mẹ trở lại cúng dường Ca Lưu Đà Di giống như lúc cha còn sống. Thời gian sau, con Bà-la-môn ra đi nên dặn vợ cúng dường. Ngày ấy, bỗng có năm trăm tên giặc cướp kéo đến. Trong đó có một tên dung mạo bảnh trai, người vợ trông thấy liền sai người gọi đến và cùng nhau tư thông.

Ca Lưu Đà Di thường đến nhà, nên cô ta sợ Sa-môn tiết lộ việc này ra ngoài. Do đó, cô ta cùng bàn với tên cướp, tìm cách giết hại. Vua Ba-tư-nặc nghe Tôn giả Ca Lưu Đà Di bị giặc cướp giết chết, Vua nghĩ đến Tôn giả nên trong lòng bức tức liền giết nhà Bà-la-môn và hơn mười tám nhà bà con ruột thịt, bắt năm trăm tên cướp và chặt đứt đầu, chân chúng, ném vào trong hố. Tỳ-kheo thấy rồi, trở về bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Trước đây, Ca Lưu Đà Di đã làm việc ác gì mà nay bị vợ Bà-la-môn giết hại?

Phật dạy các Tỳ-kheo: Quá khứ xưa kia, Ca Lưu Đà Di làm chủ tế Trời. Có năm trăm người khiên một con dê buộc chặt bốn chân, đem đến tế Trời. Họ cùng cầu nguyện. Chủ tế lễ xong rồi liền giết con dê.

Do giết hại nó nên đọa Địa ngục, chịu khổ vô cùng. Xưa, chủ tế Trời, nay là Ca Lưu Đà Di. Tuy đắc quả La-hán nhưng tai ương không hết nên Ca Lưu Đà Di phải chịu quả báo này. Con dê lúc ấy, nay là người phụ nữ kia. Năm trăm người cột chân dê, nay là năm trăm tên cướp bị Vua chặt tay chân.

Khi ấy, Phật bảo các Tỳ-kheo: Người nào giết hại sẽ chịu quả báo, hoàn toàn không mất.

Lại nữa, kinh Hiền Ngu dạy: Xưa kia, lúc Phật còn tại thế ở trong thành Xá-vệ, có Trưởng giả Lê-kỳ-di có bảy người con đều cưới vợ. Người vợ của đứa con út tên là Tỳ-xá-ly, thông minh, hiền trí, biết hết mọi việc. Lúc ấy, Lê-kỳ-di giao hết gia sản cho cô ta. Do cô ta hiền trí nên Vua Ba-tư-nặc coi như em gái. Lúc mang thai, đủ tháng ngày cô ta liền sanh ba mươi hai cái bọc. Trong mỗi bọc có một bé trai, dung mạo khôi ngô, dũng kiện phi thường, sức của một người đánh trả ngàn người. Những bé trai đến lúc trưởng thành, cưới vợ đều là con cái nhà giàu có trong nước. Bấy giờ, Tỳ-xá-ly thỉnh Phật và chúng Tăng đến nhà để cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe. Cả nhà đều đắc quả Tu-đà-hoàn, chỉ có người con út chưa chứng đắc. Anh ta cỡi voi dạo chơi, bỗng gặp con của Bộ tướng phi ngựa trên cầu. Anh ta liền tóm lấy cậu ấy ném xuống hào ở dưới gầm cầu, gây thương tích đầy mình. Cậu ta liền đến chỗ cha, thưa chuyện. Bộ tướng bảo con: Người kia sức mạnh, lại là thân thuộc của nhà Vua, khó mà tranh hơn họ được. Ta phải âm thầm tìm cách trả thù. Bộ tướng liền đem bảy báu làm thành ba mươi hai cây roi ngựa, dùng thép làm đao để chõ roi ngựa, rồi tặng cho một người một cây. Mọi người ưa thích, vui vẻ nhận lấy và thường mang theo bên mình lúc ra vào diện kiến Vua. Theo phép nước, khi gặp Vua, làm lễ thì không được mang đao. Bộ tướng thấy vậy liền sàm tấu Vua: Con của Tỳ-xá-ly lớn tuổi, sức mạnh, một người đương đầu với ngàn người. Nay ôm ấp mưu kế làm phản, muốn giết Vua nên chúng đều làm đao bén để trong roi ngựa. Sự thật rõ ràng, Vua liền lục soát, quả đúng như vậy. Vua cho là thật nên giết tất cả. Giết xong, Vua đem ba mươi hai cái đầu đặt trong cái tráp, dùng ấn niêm phong tặng cho em gái, đúng vào ngày Tỳ-xá-ly thỉnh Phật và chúng Tăng đến nhà để cúng dường. Thấy Vua đem tráp đến tặng, cô ta cho là Vua trợ giúp việc cúng dường nên muốn mở ra xem. Đức Phật liền ngăn cản. Đợi Tăng dùng xong, chú nguyện rồi, Phật vì họ mà thuyết pháp vô thường, khổ...Tỳ-xá-ly đắc quả A-na-hàm. Sau khi Phật đi, cô ta mở tráp, thấy ba mươi hai cái đầu con mình, nhờ đoạn ái dục nên không đến nỗi áo nã, nhưng

bà ta nói: “Đau đớn thay! Sầu bi thay! Người có sanh tất phải có chết, không được sống lâu, luân hồi trong năm đường. Sao khổ não như thế!” Ba mươi hai gia đình bà con bên vợ nghe sự tình này, áo não nói: “Đại vương vô đạo, cuồng giết người hiền”. Họ cùng nhau tập hợp binh mã muốn đến báo thù. Nhà Vua sợ hãi, tẩu thoát đến chỗ Phật. Mọi người dẫn quân vây quanh tinh xá Kỳ-hoàn. A Nan biết Vua giết ba mươi hai người con của Tỳ-xá-ly nên thân tộc bên vợ muốn báo thù, Tôn giả liền chấp tay, bạch Phật:

Vì nhân duyên gì mà ba mươi hai người con bị Vua giết hại?

Phật bảo A Nan: Quá khứ xưa kia, có ba mươi hai người ăn trộm một con trâu, cùng khiêng đến nhà một lão bà và muốn giết nó. Bà ta vui vẽ lấy dụng cụ để giết. Lúc sắp giết chết, trâu quỳ xuống xin tha mạng. Mọi người tranh nhau giết nó. Trâu chết rồi, thề: “Nay người giết ta, đời sau ta không tha cho người”. Làm thịt xong, mọi người cùng ăn. Bà ta ăn no rồi vui vẽ nói: “Chưa lúc nào ta được no nê như ngày hôm nay, nhờ có khách đến đây”

Phật bảo A Nan: Con trâu lúc ấy nay là Vua Ba-tư-nặc. Người trộm trâu, nay là ba mươi hai người con của Tỳ-xá-ly. Bà mẹ già, nay là Tỳ-xá-ly. Do giết hại trâu nên trong năm trăm đời thường bị giết hại. Bà già hoan hỷ nên trong năm trăm đời thường bị làm mẹ, lúc thấy con mình bị giết chết nên vô cùng áo não, nay được gặp Ta mới đắc quả A-na-hàm.

Thân tộc bên vợ nghe lời Phật dạy liền hết sân giận, cùng nhau thưa: “Người ấy tự gieo trồng thì ngày nay phải chịu quả báo. Do giết hại một con trâu, nay phải đền mạng như thế, huống chi giết nhiều. Vua Ba-tư-nặc là Vua của ta, tại sao ta lại ôm lòng oán hận mà muốn giết hại?”

Sau đó, họ liền cúi đầu, xin sám hối Vua. Vua cũng bỏ qua, không hỏi tội họ.

A Nan bạch Phật: Họ tu phước gì mà được giàu có, tráng kiện, gặp Phật đắc đạo?

Phật dạy A Nan: Quá khứ xưa kia, vào thời Phật Ca Diếp, có một bà già gom góp các loại hương, hòa hợp làm dầu rồi muốn đến thoa vào tháp. Giữa đường, gặp ba mươi hai người nên bà khuyên họ cùng đến thoa dầu vào tháp. Thoa xong, họ cùng phát nguyện: “Xin được sanh ra ở chỗ tôn quý, giàu có, thường được cùng nhau làm mẹ con, gặp Phật, đắc đạo”.

Từ đó đến nay, trong năm trăm đời, họ được sanh ra ở nhà tôn

quý, thường cùng nhau làm mẹ con. Nay được gặp Phật nên đắc đạo.

*Bài tụng Chánh báo:
Vui vẽ giết kẻ khác
Sâu đau, vào Địa ngục
Dơ ứ nước đồng chảy
Thường tưới rót liên tục
Dao liệng, lửa hừng bay
Gai độc xé nát thân
Chịu khổ vạn ức phần
Thương tâm không kể hết.*

Bài tụng Tập báo:

*Giết hại, đọa bốn loài Chịu
khổ ba đường xong Được
sinh trong loài người Chết
yếu, nhiều sâu, bệnh Cơ
dịch bệnh, gian khổ Chết
yếu, thường trầm luân
Người có trí nhìn nhận Chớ
tùy tiện giết hại.*

Thứ 2: Duyên trộm cắp

Tham dục là nguyên nhân cơ bản khiến chúng sanh trầm luân trong sáu cõi. Đã làm con người phần nhiều ai cũng tham luyến vật chất của cải. Tuy người và sinh vật khác nhau nhưng sự keo kiệt không khác. Nếu gặp tài vật mà vội lấy thì chẳng phải là hiền nhân, thấy lợi vong ân chẳng thành quân tử. Vả lại, tiền tài, của báu, lụa là là vật bên ngoài. Tràng phan, hương hoa là vật cúng dường chúng tăng. Lẽ ra phải xét đến sự bần cùng của mình mà tùy hỷ sự giàu có của kẻ khác, đâu phải vì sự bần cùng của mình mà tham đoạt tài sản của kẻ khác. Cho nên, trong sổ sách có chép: Điều Đạt trộm hoa liền bị đọa lạc, Kiều Phạm bớt xén lúa nên trở lại làm thân trâu, Ca Diếp xin bánh, bị người đời chê bai, Tỳ-kheo ngủ trộm hoa, bị thần Ao quả trách. Như thế, mới biết được trộm cắp là phạm phải tội nặng. Vì vậy, hôm nay chúng ta thấy có những kẻ ngày không chỗ ăn, đêm không chỗ ngủ, chim đậu, hươu nghỉ co cắp ngoài Trời, an giấc bên đường, xoay vần cầu ăn, liền bị mẹ đuổi đi; Giá-cô bay về hướng Nam; con theo Hồ mã trở về hướng Bắc; chồng theo bóng Mặt Trời chạy về hướng Tây; vợ trôi theo dòng chảy về hướng Đông; tất cả đều hoài vọng về quê cũ, đứt từng khúc ruột.

Ai cũng nhớ nơi sanh mà than khóc, lệ chảy ra máu, tâm uất ửng tu bờ mi. Sự khổ đau này đều do đời trước không bố thí mà lại trộm cắp. Thế nên, kinh dạy: “Muốn biết nhân quá khứ nên xem quả hiện tại. Muốn biết quả vị lai cần xem nhân hiện tại”. Vì vậy, mong các hành giả thường răn đe mình, chớ khởi tâm trộm cướp. Ngay cả của rơi cũng không tham, huống chi cố ý ăn trộm của người.

+ *Trộm vật của Phật.*

Kinh Niết bàn dạy: Xây dựng chùa, cúng dường hương hoa, châu báu, không hỏi mà lấy: Nếu biết hoặc không biết đều phạm phải tội ăn trộm cả.

Lại nữa, luận Tỳ-nại-da dạy: Nếu trộm tràng hoa trong tháp Phật, tháp Thanh-văn đều phạm phải tội nặng, vì đoạn mất phước của thí chủ cúng dường.

Luật Thập tụng dạy: Nếu có chủ mưu trộm đồ vật ở trong chùa hay trong tinh xá, thì phạm trong tội.

Như luật Thập tụng dạy: Nếu trộm Xá lợi Phật, luận Tát-bà-đa dạy: Nếu trộm tượng Phật, với tâm thanh tịnh để tôn thờ, hoặc cúng dường nơi khác, vì suy nghĩ: Họ cũng đệ tử, ta cũng đệ tử, thì cũng đều không phạm, dù cho không nói ra lấy để cúng dường.

Theo luận Ma-đắc-lặc-già dạy: Người trộm xá lợi, tượng Phật để làm việc mua bán sinh sống thì phạm đại trọng tội.

+ *Trộm vật của Tăng.*

Như luật Ngũ phần dạy: Mượn vật của Tăng không trả, tính theo trị giá mà phạm trọng tội.

Kinh Quán Phật Tam Muội dạy: Người trộm vật của Tăng mang tội còn nặng hơn tội giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ.

Kinh Bảo Lương dạy: Thà ăn thịt thân mình, chứ nhất quyết không dùng vật của Tam bảo.

Theo kinh Phương Đẳng, Bồ-tát Hoa Tụ dạy: Ngũ nghịch và bốn trọng tội ta có thể cứu. Người trộm vật của Tăng, ta không thể cứu.

Phẩm Tế rỗng trong kinh Đại tập dạy: Lúc ấy, có các loài rỗng đắc Túc mạng, liền nghĩ về nghiệp quá khứ của mình nên khóc than như mưa. Chúng cùng nhau đến trước Phật, thưa:

Con nhớ quá khứ, ở trong Phật pháp, hoặc làm người đời do nhân duyên thân thuộc, hoặc là nhân duyên nghe pháp, có được tín tâm, đem cúng dường các thứ hương hoa, ẩm thực, cùng các Tỳ-kheo theo thứ tự mà ăn.

Hoặc có rỗng thưa: Con đã từng ăn hoa quả, vật thực của chúng

Tăng bốn phương.

Hoặc có rồng thưa: Con đến chùa cúng dường chúng Tăng, hoặc lại lễ bái, ăn uống như vậy. Cho đến bảy đức Phật đã qua, có nhiều người đời, có tín tâm, vì cúng dường nên bố thí các thứ hoa quả, ẩm thực. Tỳ-kheo nhận rồi lại đem cho con. Con có được liền ăn. Do nghiệp duyên ấy nên đọa trong Địa ngục. Trải qua vô lượng kiếp ở trong lửa lớn, hoặc bị thiêu, bị nướng, hoặc bị uống nước đồng, nuốt hòn sắt nóng. Ra khỏi Địa ngục, đọa vào Súc sanh. Hết thân Súc sanh, đọa vào Nga quý, chịu đựng các sự khổ đau như vậy.

Phật dạy các loài rồng: Ác nghiệp này cũng như việc trộm vật của Phật, so với tội ngũ nghịch đều giống nhau nhưng quả báo của tội này khó mà thoát khỏi. Ở trong Hiền kiếp sẽ gặp đức Phật sau cùng hiệu là Lô Lô Chí, vào thời của đức Phật ấy thì tội mới được tiêu trừ.

Hỏi: Vì sao tội trộm, dùng vật Tăng là trọng tội?

Phật dạy: Vì vật của Tăng, đều hướng đến phạm Thánh mười phương, trên đến chư Phật, dưới đến phạm Tăng. Tùy cảnh vô biên, kết tội vô biên. Hạt bụi có thể biết được số lượng nhưng tội báo của người này không thể tính được. Vì sao? Vì những thí chủ đã bỏ ra từng đồng, từng hạt gạo nguyện đem cúng dường phạm Thánh mười phương xuất gia dùng, để ngày đêm tu đạo. Họ không muốn đem cho người đời. Như một tiếng chuông đồng hưởng tiếng, xa gần đồng ăn, phạm Thánh thọ dụng đều thành đạo nghiệp, làm thiện thì nhiều, mắc tội thì ít. Nay thấy chúng sanh ngu si, không biết sang hèn, không tin Tam bảo, hoặc tham lấy vật quý đem dùng cho thân mình, hoặc ăn vật thực của Tăng, thọ dụng hoa quả, hoặc cỡi gia súc của Tăng, hoặc dẫn người giúp việc của Tăng đi, hoặc mượn vật của Tăng đã lâu không trả, thấy Tăng nhiều lần đến xin lại càng mạ nhục, hoặc dựa vào thế lực để tìm lỗi của Tăng. Những sự tổn hại như thế nhiều đến vô lượng không thể kể hết. Tự mình suy nghĩ về những lỗi này sao không đau lòng? Nay không cho là chẳng phải vì lòng keo kiệt, tham tiếc mà không cho là vì lòng từ thương xót hàng cư sĩ, sợ họ chịu khổ. Nếu đem cho là không chân chánh, làm tổn hại người đời, tự mình cũng mắc tội nên sanh vào đời vị lai đồng chịu tai ương. Thế nên trong kinh Phật Bản Hạnh dạy: Một niệm ác có thể mở năm cửa bất thiện:

- Ác có thể thiêu cháy căn lành của người.
- Từ nơi ác lại sanh ác.
- Bị Thánh nhưn quở trách.
- Đạo quả giảm sút.

- Chết rồi đọa vào đường ác.

Đã biết vậy thì không nên dễ dãi buông lời mà phải hết sức răn mình. Nếu đời sau chịu khổ như thế thì biết mình đã dùng vật của Tăng.

+ *Trộm vật dùng lẫn lộn.*

Như kinh Bảo Ấn dạy: Hai vật của Phật và Pháp, không được dùng lẫn lộn. Do không cho vật của Phật, Pháp làm chủ nên không thể bàn luận, không giống vật của Tăng thường trụ, chiều đề đều có thể bàn bạc để dùng. Nếu dùng vật của Tăng, tu sửa tháp Phật thì phải nương theo pháp, Tăng hòa hợp thì được dùng. Tăng không hòa hợp thì khuyên người đời tu sửa. Nếu vật của tháp Phật cho đến một tiền trở lên do tâm nguyện của thí chủ nên bỏ. Chư Thiên, loài người đối với vật này nên sanh tưởng Phật, tưởng tháp cho đến gió thổi hư hoại cũng không được trao đổi cúng dường. Vì vật của Như Lai thì không người nào định giá được.

Luật Thập Tụng dạy: Đối với phòng Tăng, tượng Phật, người giúp việc và voi, ngựa, trâu, bò, dê...đều có sở thuộc riêng, không được dùng lẫn lộn.

Luật Tăng Kỳ dạy: Hoa cúng dường Phật nhiều thì cho phép chuyển đến hương đăng. Do quá nhiều thì được đem bán lấy tài vật vô tặc.

Ngũ Bách Vấn Sự Khẩn Quyết dạy: Tràn phan của Phật nhiều, muốn làm các việc phật sự khác thì cho phép nhưng nếu thí chủ không chấp thuận thì không được làm.

Luật Ngũ Phần dạy: Thức ăn cúng dường nơi tháp Phật thì người tu sửa tháp được ăn.

Luật Thiện Kiến dạy: Vật thực cúng dường trước Phật thì Tỳ-kheo hầu Phật được ăn. Nếu không có Tỳ-kheo thì cư sĩ hầu Phật được ăn.

Kinh Tội Phược Quyết Nghi dạy: Lúc mới dâng cúng Phật thì Thượng, trung, hạ tọa đều dạy cư sĩ: “Cúng Phật và Tăng”. Cho nên, cúng Phật rồi đem cho Tăng ăn thì không phạm. Nếu không làm như vậy, thì vì ăn vật của Phật nên ngàn ức năm đọa trong Địa ngục A-tỳ. Thí chủ không nghe lời thầy dạy cũng chịu quả báo như thế. Nếu sanh ở nhân gian thì chín trăm vạn năm thường ở chỗ hèn hạ. Vì sao? Vì vật của Phật thì không ai định giá được. Nếu thí chủ nghĩ muốn tạc tượng Thích Ca, mình lại tạc tượng Di-đà; muốn cúng dường Đại phẩm, lại sung vào Niết bàn; muốn làm phòng Tăng, lại cúng thức ăn cho Tăng; muốn cúng hai chúng, lại cúng một chúng; muốn cúng Tăng mười phương, lại cúng

Tăng hiện tiền; muốn cúng đại chúng, lại dùng cúng riêng một người; muốn cúng chúng Tăng, lại cúng cư sĩ. Tất cả đều trái ngược với ước nguyện của thí chủ. Tính theo tiền nhiều ít, mà qui ra tội. Nếu quá năm tiền thành tội nặng, dưới năm tiền phạm tội nhẹ. Cho nên, luật Tứ Phần dạy: “Hứa chỗ kia, đem đến chỗ này đều phạm tội”.

Xác định theo văn này: Lụa năm màu dùng cho Phật còn dư, không được dùng cho Bồ-tát Thánh Tăng vì địa vị thầy trò khác nhau, không được dùng lẫn lộn. Có thể dùng các thứ trang nghiêm khác trở lại cúng dường Phật thì không phạm. Nếu thí chủ thông dùng trải lót tượng Phật để được trang nghiêm, tất cả tượng đạo tục phàm Thánh, cúng dường các thứ cây cỏ, hoa thơm, núi sông, chim thú, không chỉ vì Phật, thông làm thì không có tội. Thế nên, Ngũ Bách Vấn Sự dạy: “Dùng lụa năm màu kết thành hình chim thú, mắc tội, trừ lúc ở trước Phật vì sự cúng dường nên không phạm”.

Kinh Bảo Lương dạy: Ta cho phép hai hạng Tỳ-kheo được quản chúng. Đó là: Thanh tịnh trì giới và biết sợ đời sau.

Như Kim cang có hai hạng: Biết nghiệp báo có hổ thẹn và tâm ăn năn.

Lại có hai hạng: A-la-hán và người siêng tu Bát Giải-thoát.

Hai hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta cho phép làm quản chúng. Tự mình không lầm lỗi, có thể ủng hộ người khác. Nhận thấy việc này rất khó nên Phật bảo Ca Diếp:

Ở trong Phật pháp, có các hạng người xuất gia, đủ các dòng họ, vô số tâm tánh, vô số giải thoát, vô số đoạn kết, có người ở A-lan-nhã, có người đi khất thực, có người thích ở núi rừng, có người thích ở gần xóm làng, nơi thanh tịnh để trì giới, có người hay lia bốn ách nạn, có người siêng tu đa văn, có người biện thuyết các pháp, có người giỏi trì giới luật, có người giỏi trì nghi thức Tỳ-ni, có người đi khắp các thành ấp, tụ lạc, vì người nói pháp. Có các vị Tỳ-kheo như vậy thì Tỳ-kheo quản chúng Tỳ-kheo tăng phải khéo biết tâm tưởng các người như vậy.

Cho nên trong kinh dạy: Tỳ-kheo quản chúng ấy phải nên phân biệt, vật của Thường trú tăng, không được dùng cho Chiêu-đề Tăng. Vật của Chiêu-đề Tăng, không được dùng cho Thường trú tăng. Vật của Thường trú tăng, vật của Chiêu-đề Tăng không nên dùng lẫn lộn với vật của Phật. Nếu vật của Thường trú tăng nhiều mà Chiêu-đề Tăng cần dùng thì Tỳ-kheo quản chúng phải tập Tăng phát thẻ lấy biểu quyết. Tăng hòa hợp như pháp thì nên đem vật của Thường trú Tăng phân cho Chiêu-đề Tăng. Nếu tháp Như Lai cần tu sửa, hoặc sẽ hư hoại mà thấy

vật của Thường trú tăng hoặc Chiêu-đề Tăng nhiều thì Tỳ-kheo quản chúng phải tập Tăng phát thẻ lấy biểu quyết, nên nói như vậy: “Tháp Phật kia bị hư hoại, nay có người muốn tu sửa, mà vật của Thường trú tăng, vật của Chiêu-đề Tăng nhiều. Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu Tăng đến đúng thời, xin Tăng lắng nghe! Nếu Tăng hoan hỷ đem vật cho, hoặc vật của Thường trú tăng, hoặc vật của Chiêu-đề Tăng, nay tôi đem sửa tháp Phật”. Nếu Tăng không hòa hợp thì Tỳ-kheo quản chúng nên khuyến hóa người tại gia để họ cúng dường tiền tài tu sửa tháp Phật.

Nếu vật của Phật nhiều thì không được đem chia cho Thường trú Tăng và Chiêu-đề Tăng. Vì sao? Đối với vật này nên tưởng như Thế Tôn còn tại thế. Vật của Phật cho đến một sợi chỉ, đều là của thí chủ tín tâm cúng dường Phật. Cho nên, chư Thiên, loài người đối với vật này phải nên sanh tưởng như tháp, huống nữa là vật báu. Hoặc ở trong tháp Phật, thà để cho gió thổi, mưa rơi làm hư hoại hết, chứ không nên lấy y này đổi lấy vật báu. Vì sao? Vì vật ở trong tháp Như Lai không ai định giá được. Vả lại, tuy Đức Phật không cần dùng đến, nhưng người quản chúng đối với vật của Tam bảo không nên dùng lẫn lộn. Nếu sử dụng lẫn lộn nên tự mình phải chịu nhiều khổ báo trong một kiếp, hoặc hơn một kiếp, vì xâm phạm vật của Tam bảo.

Kinh Bảo Lương, Đức Phật dạy:

Tỳ-kheo quản chúng, nếu vì tâm sân hận, đến đuổi Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh đi, hoặc bắt làm người để sai vật thì sẽ đọa Địa ngục. Nếu được sanh làm người thì phải làm nô tỳ, bị chủ đánh đập, rất là khổ sở. Lại nữa, Tỳ-kheo quản chúng vì tự tiện chế luật lệ vượt giới hạn của Tăng, trách phạt Tỳ-kheo, sai làm việc không đúng thời, thì kiếp sau sẽ đọa trong Địa ngục nhiều đĩnh. Sanh vào trong đây rồi, bị trăm ngàn đĩnh đâm khắp thân mình và thân ấy cháy hừng như đồng lửa lớn. Lại nữa, Tỳ-kheo quản chúng đến chỗ Đại đức trì giới, nói lại sự việc để khùng bố, bằng tâm sân giận nên sẽ sanh vào Địa ngục. Lưỡi vị ấy bị kéo dài đến năm trăm dặm, bị trăm ngàn đĩnh đóng vào. Trong mỗi một đĩnh phát ra lửa cháy lớn. Nếu Tỳ-kheo quản chúng thọ nhận vật của Tăng, mà keo kiệt cất giữ, hoặc cho Tăng không đúng lúc, hoặc lại cho một cách khó khăn, hoặc cho trong sự khốn khổ, hoặc cho ít, hoặc không cho, hoặc có người thì cho, có người thì không cho, thì do việc làm bất thiện này nên sau khi chết rồi, vị ấy sẽ sanh trong loài Ngạ quỷ dơ uest, thường ăn phân dơ. Trong trăm ngàn kiếp thường không được ăn, hoặc có lúc được ăn thì thức ăn biến thành phần tiểu, hoặc là máu mủ. Thế nên, này Ca Diếp! Tỳ-kheo quản chúng, thà tự ăn thịt thân mình, chứ

suốt đời không lấy lẫn lộn vật của Tam bảo làm y bát hay ăn uống.

+ *Trộm vật của người đời.*

Luật Thiện Kiến dạy: Vật của người khác cũng như vật của Tam bảo phải hết sức giữ gìn. Phải cẩn thận cất giấu ở trong nhà rồi dùng khóa khóa lại. Tuy nhiên nếu có giặc cướp vào nhà trộm lấy, hoặc cưỡng đoạt lấy, khiến cho ngay cả người gìn giữ vật cũng trường hợp nào ngăn cản được, thì người chịu trách nhiệm giữ vật ấy đối với người chủ chẳng có tội nhưng nếu chủ nhân trông coi lơ là, không cần giữ gìn nên bị giặc trộm lấy thì người trông coi vật phải đền trả lại. Do đó, người giữ vật ấy có tội.

Luật Thập Tụng dạy: Ở xa nhận vật của người khác gửi, đi giữa đường bị hư hoại. Nếu người với tâm tốt mà vật bị hư thì không cần bồi thường. Nếu người với tâm xấu phá hư thì phải bồi thường. Nếu mượn vật của người khác mà không hỏi, bằng tâm tốt hoặc tâm xấu, nếu hư thì đều phải đền trả.

Luật Thập Tụng dạy: Vật của giặc trộm được đem đến, hoặc bố thí bằng tâm tốt, hoặc bị người khác tranh giành, khủng bố mà cho thì được lấy. Do đó người nhận trở thành chủ nhân của vật. Nhưng chớ theo giặc xin, giặc tự cho thì được lấy. Tuy nhiên khi mình mặc nhiệm hoại sắc mà có chủ nhân trước đến nhận lấy lại thì nên trả.

Luận Ma-đắc-lặc-già dạy: Nếu người cuồng loạn đem vật bố thí mà không biết đó là cha mẹ, thân quyến thì được lấy. Nếu cha mẹ hiểu biết mà không tự tay cho thì không được lấy.

Luật Thập Tụng dạy: Nếu lấy thịt còn thừa lại của hổ thì phạm tội nhỏ, bởi vì mình không đoạn tham vọng. Nếu lấy thịt còn thừa lại của sư tử thì không phạm, do nó đã vứt bỏ.

Luận Tát-bà-đa dạy: Trộm tất cả vật còn thừa của chim thú, đều mắc tội nhỏ.

Luật Tứ Phần dạy: Nếu tưởng cho mà lấy, tưởng đồ vứt bỏ mà lấy, tưởng vật tạm dùng mà lấy, tưởng của bạn thân mà lấy, đều không phạm. Theo luật cần đủ bảy pháp mới gọi là bạn thân:

Làm việc khó làm.

- Cho vật khó cho.

- Nhẫn việc khó nhẫn.

- Nói chuyện bí mật cho nhau.

- Bảo vệ nhau.

- Gặp khổ không bỏ nhau.

- Nghèo cùng không khinh nhau.

Người có đủ bảy pháp này là bạn thân tốt, lấy vật thì không phạm.

Trong Kinh Tăng nhất A-hàm Phật dạy các Tỳ-kheo: Nếu giặc cướp trộm vật của người khác, bị chủ bắt được, rồi trói lại đem đến Vua trị tội. Vua liền sai người nhốt trong lao ngục, hoặc chặt chân tay, hoặc xẻo tai, cắt mũi, hoặc lột da, rút gân, hoặc treo ngược, hoặc cưa, hoặc dùng lửa nướng, nấu, đốt da và các thần kinh trên đầu, hoặc rót nước đồng lên thân, hoặc dùng mũi nhọn đâm vào thân thể, hoặc thả voi dữ dẫm đạp, hoặc mổ bụng rút ruột phơi trên cỏ, hoặc trói ngược, đánh trống dẫn đến giữa chợ, cột dưới gốc cây Nêu chém đầu, hoặc lại cắt từng phần trên thân, hoặc dùng dao cắt, tên bắn, dùng vó số cách giết làm cho họ khổ đau thống thiết vô cùng tận. Vì nhân duyên nghiệp ác trộm cướp này nên sau khi chết, sanh vào Địa ngục, lửa lớn đốt thân, đồng chảy rót miệng, nước sôi, lò lửa, núi đao, rừng kiếm, đốt sống, phân tiểu, cối đá nghiền nát, cối xay quết giã, chịu các sự khổ đau như thế. Đau khổ độc hại, thống thiết không thể tính kể, trăm ngàn vạn ức năm không lúc nào ngừng nghỉ. Hết tội Địa ngục, sanh vào loài Súc sanh: Làm voi, ngựa, trâu, dê, lừa, lạc đà...trải qua trăm ngàn năm đền trả bằng sức lực. Tội Súc sanh hết lại sanh vào Ngạ quỷ chịu đói khát khổ não không thể nói hết đến nỗi không nghe đến tiếng cơm nước, trải qua trăm ngàn năm chịu khổ như vậy. Hết tội trong đường ác được sanh trong loài người, chịu hai quả báo:

- Nghèo cùng, áo không đủ che thân, cơm ăn không no bụng.

- Thường bị Vua ép chế và hoạn nạn lửa, nước hoặc ác tặc cướp đoạt.

Kinh Niệm Chánh Pháp dạy: Thế nào là trộm cướp?

Nếu người thường suy nghĩ bất thiện như vậy: “Mong muốn riêng mình thu hoạch được nhiều ngũ cốc, mong cho thế gian không thu hoạch được ngũ cốc”. Lại vào lúc khác, chúng sanh thiếu phước, ruộng lúa không thu hoạch được. Vì thế, người ác kia thấy nhân dân đói khát, trong lòng vui mừng. Như ta suy nghĩ, bán thóc ở chợ bằng tâm xảo trá, cân lường lúa gạo bằng tâm lừa dối người, cuối cùng lại tạo nghiệp. Nếu tâm suy nghĩ thì gọi là tư nghiệp. Nếu hành động dối trá gọi là nghiệp dối trá. Tạo nghiệp dối trá rồi gọi là nghiệp thành tựu.

+ *Trộm vật rơi*

Như kinh Niệm Chánh pháp dạy: Nếu thấy vật rơi ở bên đường, hoặc là vàng, bạc và các vật báu khác thì nhặt lấy rồi hô lên: “Vật này của ai?”. Có người nào nói: “Vật đó của tôi”, thì phải hỏi hình dáng. Họ

nói đúng thì nên trả lại. Nếu không có người nhận, ngày nào cũng phải đem vật đó ra hỏi. Nội trong bảy ngày, nếu không có người nhận lấy thì đem vật báu ấy giao cho Vua, Đại thần, người đứng đầu quận hoặc châu. Nếu Vua, Đại thần, người đứng đầu quận hoặc châu thấy người có phước đức, không lấy vật ấy thì nên đem vật ấy cúng dường để hộ trì Phật, pháp, Tăng. Đây gọi là không lấy trộm.

Luật Tăng kỳ dạy: Nếu thấy y phục của người rơi thì nên hỏi rõ của ai để trả lại cho họ. Nếu không có chủ nhận lấy thì nên treo ở trên cao, chỗ sáng sửa để mọi người nhìn thấy. Nếu có người nói: “Vật của tôi”, thì nên hỏi: “Vật ông mất ở đâu?” Họ trả lời đúng thì cho lại. Nếu không biết thì nên giữ lại đến ba tháng. Nếu được trong đất tháp thì dùng làm tháp, được trong đất Tăng thì dùng cho Tăng bốn phương. Nếu vật quý báu như vàng, bạc, châu báu thì không được để lộ mà hỏi. Người được vật nên quan sát kỹ xem có những đặc điểm gì, sau đó mới đưa ra hỏi. Khi người đến nhận dạng đúng thì nên trao trả lại trước mọi người, không được trả lại ở chỗ vắng, nên dạy họ ba pháp quy y và nói: “Nếu Phật không chế giới, thì ông không thể nhận được vật này”. Nếu không có người đến nhận thì cất giữ đến ba năm như trước, phải tùy chỗ mà dùng. Nếu người sửa tháp, được của báu dưới đất thì dùng làm tháp, cho đến ở trong chùa chiền hay tinh xá nơi chư Tăng cư trú. Cũng như thế.

Luận Thành Thật dạy: Dùng vật dưới lòng đất, không có tội. Khi Phật còn ở đời, Trưởng giả Cấp Cô Độc là bậc Thánh nhân cũng dùng vật này, nên biết là không tội. Lại nữa, tự nhiên mà được vật nên không gọi là ăn trộm.

Luật Tăng Kỳ dạy: Vào trong xóm làng thấy có vật rơi, không được lấy. Người cúng dường cho Tỳ-kheo tức là thí chủ. Trong làng xóm, thấy y bị gió thổi, không được tưởng y phẩn tảo mà lấy. Nếu ở đoạn đường trống vắng, chỗ không có người ở thì được lấy.

Luật Ngũ Phần dạy: Nếu người được y, trải qua mười hai năm mà không người nhận lấy thì nên tập hợp Tăng lại để bàn bạc về giá trị của nó nhằm hiến cúng cho Tăng bốn phương. Nếu sau đó người kia trở lại đòi y thì nên dùng vật của Tăng để đền trả. Tuy nhiên không nên nhận là tốt nhất.

Bài tụng Chánh báo:

Trộm cướp đem cho người

Tự vào ngục Nê-lê

Mỏ chim bằng Kim cang

Mổ não, móc ruột người
 Rót nước đồng vào miệng
 Chày sắt giã nát thân
 Khủng khiếp, sợ bỏ chạy
 Lại ném vào rừng kiếm.
 Bài tụng Tập báo:
 Trộm cướp bị quả báo
 Vào Địa ngục nung chảy
 Hết tội, sanh làm người
 Suốt đời bị đói khát
 Của mình, người khác giữ
 Khác gì kẻ hèn hạ
 Vì lời nói, việc làm
 Nên phải chịu khổ cùng.

Thứ 3: Duyên tà dâm

Nên biết lời nói dâm loạn thường gây tổn đức. Ví vậy, người có trí thì họ không bao giờ nói bậy. Dâm dục luôn khiến cho thân trở nên mê loạn như nhớp, nên bậc Thánh thường xuyên tránh xa. Trong lịch sử nhân loại có biết bao chuyện thương tâm xảy ra cũng vì ham muốn sắc dục. Như Châu Úc mê Bao Tự mà để mất nước. Phổ Hiến luyến ái Lệ Cơ nên rơi vào cảnh nhà tan cửa nát. Trên núi cao bậc Độc giác không thoát khỏi triền phược là do đắm trước ngoại cảnh, bởi vậy, tà để lửa đốt thân còn hơn tham luyến dâm dục. Tuy nhiên vì chúng sanh sanh ra trong cõi Dục, không biết tu tập, quán chiếu nên không thể dứt trừ phiền não. Vả lại, thân hình do bốn đại hòa hợp mà có thì thử hỏi lấy gì làm chủ thể. Thân, thọ, tâm, pháp: bản tánh đều không. Da dày, da mỏng: xoay quanh bất tịnh. Sanh tạn, tục tạn thì dơ uế khó lường. Tất cả thường muốn dẫn người vào ba đường ác. Cho nên, Bồ tát Đại sĩ thường hành pháp tu quán hội thối chảy tràn khắp thân. Oán tặc sáu trần tất cả đều xúc não nhau. Năm ấm hư giả, nên không thể nắm bắt được. Vậy mà phạm phu do điên đảo mới tham đắm vào đó rồi vọng thấy, mê say sắc đẹp, phong cách, thái độ, răng trắng, môi đỏ, mi dài, tóc mượt, lông lẩy, yếu điệu làm tăng thêm vẻ đẹp kiều diễm. Do đó, Lạc Xuyên bỏ ngọc bội, có thể tháo xe cho Vua Trần nghỉ ngơi. Hán Khúc mê mê châu báu bèn để tình cho cha. Trên đài Vu sơn, theo mây mưa để đi lại. Bên dòng nước Thư cô, dựa theo suối mà trở về, liền sai đốt hương, mặc y phục nước Hàn, tấu nhạc đàn cầm, mang những hình

tướng xấu, hoặc do chiếu gổi mà thành thân, hoặc mượn mũ treo mà bí mật làm việc. Đâu biết hình như nước bọt, thân tựa mây bay, trong ngoài đều không, chỉ là tiêu tan trong khoảnh khắc. Toàn thân bất tịnh, biến đổi vô thường, ngay nơi rãnh nước cũng đầy kiến, đế. Phàm là chúng sanh mà có tà hạnh này thì trái với đạo Phạm thiên, chương nghiệp Bồ-đề, là nhân để sanh trong bốn loài, hoặc quả của ba đường ác. Nên biết: Đâu mối của ba cõi là do nghiệp dâm. Quả báo của sáu đường, chủ yếu là ái nhiễm. Do nghiệp thắm dâm nên thành trọng tội. Điều ấy, bậc Thánh chê trách, không làm.

+ *Người dục nhiều là khổ.*

Như bài kệ kinh Niết-bàn:

*Nếu thường sâu khổ
Sâu lại tăng trưởng
Như người ham ngủ
Thì ngủ càng nhiều
Ham rượu tham dục
Cũng lại như vậy.*

Bài kệ kinh Niệm Chánh pháp nói:

*Như lửa thêm củi khô
Lửa càng bùng cháy mạnh
Như vậy, người nghiệp ái
Lửa ái càng tăng thêm
Tuy củi lửa cháy rục
Người có thể dập tắt
Lửa ái thiêu thế gian
Ràng buộc không thể bỏ.*

Bài kệ trong luận Trí độ:

*Người đời ngu si
Tham đắm năm dục
Đến chết không bỏ
Cho nên đời sau
Chịu vô lượng khổ
Thí như người ngu
Tham mê quả ngọt
Ăn nó trên cây
Không sợ rơi xuống
Người chặt cây ấy
Cây ngã, người té*

*Thương tổn thân, tay
Đau khổ mà chết
Vui trong chốc lát
Chết thì khổ nhiều
Như mật dính dao
Tham liếm vị ngọt
Không biết lưỡi rách
Sau chịu khổ nhiều.*

Bài kệ trong luận Thành Thật:

*Tham dục khổ thật
Phàm phu điên đảo
Vọng sanh tưởng vui
Người trí thấy khổ
Thấy rồi liền bỏ.
Thọ dục không chán
Như uống nước mặn
Lại càng khát thêm
Bởi khát tăng thêm
Làm sao vui được?
Thí như chó cắn
Máu dính trên xương
Nước dãi tăng thêm
Tưởng là vị ngon.
Tham dục cũng vậy
Không có mùi vị
Do vì điên đảo
Cho là vị ngọt
Nên biết sắc dục
Vui ít khổ nhiều
Không nên tham cầu
Mới gọi thật vui.*

+ Quán sự bất tịnh của người nữ.

Thông thường, phụ nữ, bên ngoài giả bộ đoan trang. Tuy nhiên, bên trong chứa đầy dơ uế. Những người tham đắm không biết được đó là giả dối. Nếu là người trí thì có thể biết được sự ô uế này.

Kinh Thiên bí yếu dạy: Trưởng lão Mục Liên đã chứng đắc La-hán. Bấy giờ, vợ cũ của Trưởng lão trang sức lộng lẫy đi theo, muốn hại Mục Liên. Lúc ấy Mục Liên nói kệ:

Thân thể người liên kết
Da thịt bọc quấn quanh
Bên trong đầy dơ uest
Không tốt đẹp chút nào
Túi da đầy phần tiểu
Thường chảy nơi chín lỗ
Như Quỷ không chỗ nương
Lấy gì để yêu quý?
Thân người như nhà xí
Được che bằng da mỏng
Người trí bỏ, lia xa
Như người xa hãm xí
Nếu người thấy thân ấy
Như chán ghét dơ uest
Tất cả đều xa lia
Như người tránh hãm xí
Thân người được trang sức
Bằng hương hoa, Anh lạc
Phàm phu bị tham ái
Người trí không bị mê
Thân người đầy bất tịnh
Nơi cấu uest tụ tập
Như trang hoàng hãm xí
Người ngu cho là đẹp
Xương sườn nương cột sống
Như rui gác rường nhà Ngũ
tạng ở trong bụng
Như rương phần bất tịnh
Thân người như nhà xí
Ngu tưởng báu nên tham
Trang sức bằng Anh lạc
Ngoài đẹp như bình vẽ
Người nào không nhiễm dục
Suốt đời không vướng mắc
Người đến quấy nhiễu ta
Như thiêu thân vào lửa
Tất cả các độc dục
Nay ta đã diệt sạch

*Năm dục đã lìa xa
Lưỡi ma đã rách nát
Tâm ta như hư không
Tất cả không vướng mắc
Ngay dục lạc cõi Trời
Tâm ta cũng không nhiễm.*

Kinh Tăng nhất A-hàm dạy: Thà đem sắt đỏ lửa đâm vào mắt, chứ không dùng mắt nhìn sắc mà sanh khởi loạn tưởng.

Kinh Niệm Chánh Pháp dạy: Tâm tánh người nữ nhiều đố kỵ. Do đó, sau khi chết phần nhiều họ đều sanh vào loài Ngạ quỷ. Tuy lời ngon, tiếng ngọt nhưng tâm đầy độc hại, nhiều sự dối trá, mê hoặc thế gian.

+ *Người nữ thì khó thân mà dễ chán.*

*Như bài kệ kinh Vua Ưu Điền:
Người nữ thích làm ác
Keo kiệt là nhân duyên
Bị ân ái trói buộc
Dẫn người vào tội lỗi
Điều bất chánh dẫn người
Đi vào ba đường ác
Cõi Trời bị đọa lạc
Đều do nữ mê hoặc.*

Trong kinh Niệm Chánh Pháp, cũng có kệ:

*Trong Trời nhiều trói buộc
Không qua cửa nữ sắc
Nữ trói buộc chư Thiên
Dẫn đến ba đường ác.*

Luận Trí Độ dạy: Bồ-tát quán thấy tất cả sắc dục đều là bất tịnh. Trong các sự suy yếu thì sự suy yếu vì người nữ là lớn mạnh nhất. Lửa, dao, sấm chớp, sét đánh, oan gia, độc rắn còn có thể tạm gằn. Người nữ keo kiệt, ganh tỵ, sân giận, nịnh hót, kỳ quái, dơ bẩn, tranh đua, tham lam, tật đố, cãi vã, không nên thân gằn. Do đó, Phật nói kệ:

*Thà dùng sắt đỏ
Xoáy vào trong mắt
Không dùng tâm tà
Tán loạn nhìn nữ
Mỉm cười làm dáng
Lười biếng, e thẹn*

Ngoảnh mặt, liếc mắt
 Ngon ngọt, sân giận
 Đi đứng ẻo lả
 Để mê hoặc người
 Vong lười dâm dục
 Người đều sa vào
 Đi, đứng, ngồi, nằm
 Liếc nhìn mê hoặc
 Người ngu trí kém
 Vì đó mê say
 Cầm kiếm đánh giặc
 Còn có thể thắng
 Giặc nữ hại người
 Không thể ngăn được
 Rắn độc ngấm độc
 Có thể nắm bắt
 Tình nữ mê hoặc
 Không thể tiếp xúc.
 Bài kệ trong kinh Tăng nhất:
 Chớ quan hệ người nữ
 Cũng đừng cùng chuyện trò
 Người lia xa người nữ
 Là lia được tám nạn.

Bài kệ trong kinh Tát-già-ni-kiền-tử:

Vợ mình không biết đủ
 Ưa dâm phụ nữ khác
 Người này không tầm quý
 Thường chịu khổ, không vui
 Đời hiện tại, tương lai
 Chịu khổ cùng trời buộc
 Chết rồi sanh Địa ngục
 Thường chịu khổ, không vui.

Kinh Tạp Thí Dụ dạy: Lúc Phật còn ở đời, có một Bà-la-môn sanh được hai người con gái rất xinh đẹp nên mới treo vàng, tìm xem: “Người nào mắng con ta xấu, ta sẽ cho vàng”. Trải qua ba tháng, rốt cục không tìm được ai nên Bà-la-môn dẫn con đến chỗ Phật. Đức Phật liền quở trách:

Người con gái xấu xa này, chẳng có gì tốt đẹp.

A Nan thưa: Cô này quá xinh đẹp mà Phật cho là xấu. Phải chăng là có gì không tốt?

Phật dạy: Mắt người không nhìn sắc, đó là mắt tốt; tai, mũi, miệng cũng vậy. Thân không tiếp xúc trơn láng, mịn màng, đó là thân tốt. Tay không trộm của người, đó là tay tốt. Nay xem người nữ này, mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân ưa sự mịn màng, tay thích trộm vật. Như thế, đều là không tốt.

Trong Kinh Phật Bát Nê-hoàn, Đức Phật bảo cô gái chủ vườn cây:

Người ưa tà dâm, có năm sự trở ngại:

- Danh tiếng không tốt.
- Pháp Vua loại bỏ.
- Nhiều nghi ngờ.
- Chết vào Địa ngục.
- Hết tội Địa ngục, đọa vào Súc sanh.

Tất cả đều do tội này đem đến.

Người nào có thể diệt tâm, không tà dâm thì tăng trưởng được năm phước:

- Được nhiều người khen ngợi.
- Không sợ quan huyện.
- Thân được an ổn.
- Chết sanh lên cõi Trời.
- Giữ ý thanh tịnh, đắc quả giải thoát.
- + Người nữ đối trá.

Như trong kinh Tạp thí dụ dạy: Xưa, có một chàng trai tuấn tú con nhà giàu, dùng vàng làm tượng một cô gái, rồi nói với cha mẹ: “Cô gái nào như thế, thì con mới lấy vợ”. Lúc ấy, ở nước khác có một cô gái xinh đẹp, đoan chánh, cũng làm tượng vàng như thế. Cô ta nói với cha mẹ: “Có chàng trai nào như thế, thì con mới lấy chồng”. Cha mẹ hai bên nghe vậy, liền cho họ cưới nhau.

Bấy giờ, nhà Vua cầm gương soi mình, hỏi quần thần: Người trong thiên hạ, có ai như Trẫm không?

Quần thần đáp: Thần nghe ở nước kia có chàng trai tuấn tú vô cùng.

Vua liền sai sứ giả triệu đến. Sứ giả đến báo: Vua muốn gặp Hiên giả.

Chàng liền nghiêm xa giá đi đến và tự nghĩ: “Vì ta thành đạt nên Vua cho mời đến”, liền trở về nhà lấy thớ. Chàng ta chợt trông thấy

vợ mình tư thông với nô tỳ. Buồn bã, sân giận, bực bội, do đó nhan sắc chàng trở nên tiêu tụy. Quần thần thấy thế cho là chàng đi đường mệt mỗi liền vào nghỉ ở trong chuồng ngựa. Ban đêm, ở trong chuồng ngựa, chàng ta thấy Hoàng hậu tư thông với người giữ ngựa. Lúc ấy, chàng ta mới hiểu: “Hoàng hậu còn như thế, huống chi vợ mình”. Do đó, tâm ý chàng ta sáng tỏ, nên nhan sắc trở lại như cũ, liền đến yết kiến Vua. Vua hỏi: Vì sao lại ở bên ngoài đến ba ngày?

Đáp: Thần ra đi quên việc nên phải về nhà lấy thơ, chợt thấy vợ thần tư thông với nô tỳ, vì thế mà trong lòng thần rất phẫn nộ, nhan sắc suy giảm nên phải ở trong chuồng ngựa ba ngày. Đêm qua, thần lại thấy Hoàng hậu đến tư thông với người giữ ngựa, nên thần nghĩ: “Hoàng hậu còn như thế, huống chi người khác”. Do đó mà tâm ý của thần được bày tỏ nên nhan sắc trở lại như cũ.

Vua nói: Vợ Trẫm còn như thế, huống chi các người nữ khác!

Hai người thấy vậy nên đều vứt bỏ tất cả, vào núi, cạo tóc, làm Sa-môn, suy nghĩ về người nữ không đáng tin cậy. Vì thế, họ tinh tấn tu hành nên đều đắc quả Phật Bích Chi.

Kinh Cựu Tạng Thí Dụ dạy: Xưa, có một phụ nữ sanh được một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần. Lúc lên ba, Quốc vương thấy vậy, cho gọi đạo sĩ đến xem tướng và hỏi: Sau này cô ta có làm phu nhân không?

Đạo sĩ đáp: Người này có tướng phu nhân, sau Vua sẽ cưới.

Vua nghĩ “Ta sẽ cất giấu ở đâu để đến sau này”. Nhà Vua liền gọi chim Hạc đến hỏi: Người ở đâu?

Chim Hạc đáp: Con ở trên núi cao, phía trước có cây, người không qua được, dưới có nước chảy, thuyền không đi được.

Vua nói: Trẫm gửi đứa bé này cho người nuôi dưỡng.

Hạc liền mang đứa bé đi. Theo lời Vua dặn hằng ngày Hạc lấy thức ăn nuôi dưỡng đứa trẻ. Một thời gian sau, trên đó có một toán lính bị nước cuốn trôi. Có một cây lạ trôi theo dòng nước và một chàng trai ôm lấy thân cây theo dòng nước chảy, không trở về được. Có một cây Bồ-đào vọt lên mọc tựa bên sườn núi. Chàng ta đến ở trên cây thấy Hạc giao hợp với một cô gái nên cô ta trốn đi. Hạc cảm thấy thân cô ta quá nặng. Mọi người đi tìm gặp được chàng trai. Chàng ta đem hết sự việc kể lại cho Vua nghe. Vua liền mời nhà sư vào, hỏi: Đạo nhân trước đây xảo quyệt như vậy sao?

Sư nói: Người có nghiệp nhân đời trước, không năng lực nào ngăn cản nổi. Gặp cơ hội thì nảy sinh. Súc sanh cũng vậy.

Kinh Cựu Tạng Thí Dụ dạy: Xưa, có một vị Quốc vương bảo vệ

người nữ trong cung rất nghiêm ngặt. Hoàng hậu nói với Thái tử:

Ta là mẹ ngươi, sanh ra ngươi mà không thấy tình cảnh trong nước. Ta muốn xuất cung một lần. Người có thể thưa trình với Đại vương. Bà ta nói đến ba lần như thế.

Thái tử thưa Vua. Vua liền ưng thuận.

Thái tử nghiêm giá ra đi thì quần thần ở trên đường làm lễ, phu nhân vội đưa tay vén rèm để người trông thấy. Thái tử cảm thấy lòng dạ đàn bà như thế, liền giả nói đau bụng mà xin trở về.

Phu nhân nói: Ta thật là vô dụng?

Thái tử tự nghĩ: “Mẹ ta còn như thế, huống chi người khác”, đến tối, Thái tử bỏ nước ra đi, vào núi dạo chơi. Lúc ấy, ở bên đường có một cây, bên dưới có dòng suối. Thái tử ở trên cây, trông thấy Phạm chí một mình vào ao nước tắm. Tắm xong, trong lúc ăn uống, Phạm chí làm phép thuật nhả ra một cái bình. Trong bình có một cô gái, liền cùng cô ta đi vào chỗ khuất trong thối. Hai người cùng nằm. Cô gái lại nhả ra một cái bình. Trong bình có một chàng trai. Cô ta lại cùng nằm với chàng trai, nằm xong thì nuốt bình. Tức thời Phạm chí đứng dậy, lại để vợ vào trong bình, nuốt rồi, cầm gậy ra đi. Thái tử trở về nước, tâu trình lên nhà Vua. Vua cho mời Phạm chí và bày tội đến, ra lệnh ba người ăn như lúc ở bên đường.

Phạm chí đến nói: Thần chỉ ăn một mình.

Thái tử nói: Người phải biến ra vợ.

Phạm chí không biến vợ ra.

Thái tử bảo cô gái: Người phải biến ra chồng để ân ái rồi nuốt chửng lấy. Thái tử nói đến ba lần như thế, nhưng cô gái vẫn không làm theo. Sau khi hại người kia, họ liền bỏ đi. Khi ấy, Vua hỏi Thái tử: Do đâu mà con biết họ?

Đáp: Mẹ con đi ra ngoài cung xem tình hình trong nước ra sao và con tháp tùng theo mẹ. Nhưng khi ra đi, mẹ con vén màn để lộ tay làm cho mọi người trông thấy, nên con liền nghĩ: “Đàn bà thật nhiều dục lạc”. Con liền nói dối là đau bụng để thoái thác không đi. Trở về, con vào trong núi, thấy Phạm chí chứa vợ trong bụng. Do đó, con nghĩ đàn bà gian dâm không dứt. Vậy, xin Phụ vương ân xá cho trong cung được tự do đi lại.

Vua lệnh cho hậu cung: Người tham dục ấy, ý chí buông lung như thế.

Sư nói: Thiên hạ không thể tin. Đàn bà là như vậy.

Kinh Cựu thí dụ dạy: Xưa, có bốn dòng tộc giữ kín người nữ không

cho ai thấy. Người nữ bảo tở gái hẹn hò, cùng người thợ bạc tư thông. Sau đó, chồng bắt gặp.

Cô ta nói: Thiếp không làm việc tà hạnh. Xin chàng chớ nghĩ thiếp dối trá.

Chồng nói: Tôi không tin cô. Chàng ta liền dẫn cô nàng đi đến Thần cây để thề nguyện.

Vợ nói: Tốt lắm.

Người chồng sau đó trì trai bảy ngày. Lúc người chồng mới vào thất ăn chay, cô ta bí mật nói với con người thợ bạc: Người giả làm người điên ở chợ, gặp người thì ôm lấy, giễu cợt. Người chồng trì trai xong, liền dẫn vợ đi.

Cô ta nói: Thiếp không muốn nhìn vào chợ. Chàng dẫn giúp thiếp đi qua chợ.

Con người thợ bạc ôm lấy cô ta, rồi giả làm người điên nằm trên đất. Người vợ liền lớn tiếng kêu cứu chồng mình: Chàng ơi! Ai sai nó ôm thiếp?

Người chồng đáp: Người điên này, đâu cần để ý làm gì? Hai vợ chồng cùng đến chỗ Thần cây để khẩn vái.

Cô ta nói: Từ lúc sanh ra đến nay, con chưa hề làm chuyện xấu, chỉ bị người cuồng ôm lấy. Cô ta liền được sống, còn anh chàng kia cảm thấy xấu hổ, im lặng.

Phật dạy: Nên biết, tất cả người nữ đều gian dối như nhau, không thể tin được.

Luật Thập tụng dạy: Lúc Phật ở nước Xá-vệ, có một Bà-la-môn sanh cô gái mặt mày sáng suốt, dung mạo thanh cao, tên là Diệu Quang. Thầy tướng nói: “Sau này, cô ta sẽ tư thông với năm trăm chàng trai” Mọi người nghe thế, nên đến lúc cô ta đã mười hai tuổi mà chẳng một ai đến cầu hôn.

Bấy giờ, Bà-la-môn có người khách láng giềng biết giá trị vật báu nên thường vào biển tìm kiếm. Người khách này ở trên lầu cao trông thấy cô ta, liền sanh tâm dục, hỏi người khác: Cô kia là con cái nhà ai?

Đáp: Con gái Bà-la-môn kia.

Hỏi: Có ai cưới chưa?

Đáp: Chưa.

Hỏi: Có ai cầu hôn chưa?

Đáp: Chưa.

Hỏi: Vì sao không có người cầu hôn?

Đáp: Vì thầy tướng nói: “Sau này cô ta sẽ giao hợp với năm trăm

đàn ông nên không ai đến cầu hôn.

Lúc ấy, người khách nghĩ: “Ngoài Sa-môn dòng họ Thích ra thì không một ai vào nhà ta”. Do đó, chàng ta liền đến xin cầu hôn. Cưới cô ta về nhà không bao lâu thì chàng cùng bạn vào biển. Chàng liền bảo người giữ cửa: Ta muốn vào biển. Người chớ cho đàn ông vào nhà ta, chỉ trừ Sa-môn dòng họ Thích. Họ là người không có tội lỗi.

Đáp: Vâng.

Sau khi người bán châu đi khỏi, Sa-môn đến nhà khát thực. Cô ta trông thấy liền nói: Hãy cùng tôi hành dâm.

Các Tỳ-kheo không biết nên thưa hỏi Phật. Phật dạy: “Nhà này chắc là có người phi phạm hạnh, các ông không nên đến đó”.

Sau đó, cô ta mắc bệnh, đến tối thì qua đời. Mọi người trong nhà dùng vật dụng bao bọc lại rồi để ở bãi tha ma. Lúc ấy, có bọn cướp gần năm trăm người đi ngang qua nơi này, thấy cô gái mới chết nên sanh tâm dục liền đến hành dâm.

Trước đây, do cô ta nói với Sa-môn, Bà-la-môn cùng tôi hành dâm nên sau khi chết đọa vào đường ác, ở phương Bắc nước kia, sanh làm rồng dâm tên là Tỳ-ma-đạt-đa.

Kệ tụng Chánh báo:

*Tà dâm vào Địa ngục
Rừng đao, lá đao kia
Sắt nóng nung vào miệng
Nước đồng rót vào lòng
Rồng độc rút xương, tủy
Chuột Kim cang ăn Ấm
Ôm chặt lấy cột đồng
Nằm lún sâu giường sắt
Kệ tụng về nhân quả:
Mê dâm loạn tình sắc
Chịu khổ không cùng tận
Nghịệp hết, được làm người
Vợ thường phản bội mình
Ôm lòng nghi ngờ nhau
Chẳng ai chịu thuận tình
Người có chút tri thức
Sao lại không hổ thẹn?*

Thứ 4: Duyên nói dối

Có người sinh ra ở đời theo nghiệp mà thọ nhận nhiều thứ dơ bẩn. Bản thân vốn giả tạo thường rơi vào phạm trù dối trá. Bởi vậy, chúng ta cứ vọng tưởng hư cấu, mê hoặc, điên đảo, trái ngược với bản tâm, lời nói thường dối trá, mê hoặc mọi người, làm cho người hiểu sai lầm, dẫn đến bị muôn vàn khổ đau chồng chất, trăm ngàn ưu sầu tụ tập. Do nguyên nhân hư vọng này nên chịu quả báo bị khinh rẽ, ở Địa ngục khổ đau lại càng nóng bức não thêm. Thậm chí không hiểu chánh pháp cũng đều do nói dối mà ra. Vì thế, trong kệ tụng của kinh Niệm Chánh Pháp dạy:

*Người nói lời dối trá
Gây phiền não chúng sanh
Như kẻ hắc ám kia
Có sống cũng như chết
Lời nói như dao cắt
Làm sao lưỡi không rơi?
Nếu nói lời dối trá
Thì mất các công đức
Người nói lời dối trá
Trong miệng có rắn độc
Dao ở ngay trong miệng
Ngọn lửa đốt trong miệng
Độc trong miệng là độc
Độc rắn chẳng phải độc
Độc miệng hại chúng sanh
Chết rồi đọa Địa ngục
Người nói lời dối trá
Mủ trong miệng chảy ra
Lưỡi thì như bùn dơ
Lưỡi cũng như lửa cháy
Người nói lời dèm pha
Thường bị người khinh rẽ
Bị người tốt lìa xa
Trời cũng không ủng hộ
Thường ganh ghét người khác
Cùng các chúng sanh ác
Tìm cách nào loạn người
Do đó vào Địa ngục*

Lại nữa, trong giới kinh Ưu-bà-tắc nói:

Nếu lại có người Ưa
 nói dối trá Người
 này phải chịu Xấu
 xí, hung ác
 Lời nói tuy thật
 Người không tin tưởng
 Mọi người ghét bỏ
 Không muốn trông thấy
 Đó là hiện tại
 Quả báo nghiệp ác.
 Bỏ thân này rồi
 Đọa vào Địa ngục
 Chịu nhiều khổ sở
 Đói khát dầy vò
 Đó là đời sau. Quả
 báo nghiệp ác
 Nếu được làm người
 Miệng bị sứt môi
 Lời nói tuy thật
 Người không tin tưởng
 Người không thích nhìn
 Tuy nói chánh pháp
 Người không muốn nghe
 Người ác như vậy
 Vì sức nhân duyên
 Các vật bên ngoài
 Của cải giảm ít
 Do đó nên biết
 Người nói dối trá
 Chịu khổ ba đời.

Kinh Thiên Bí Yếu dạy: Nếu có bốn chúng ở trong phật pháp, vì lợi dưỡng nên tham cầu không biết chán, hoặc vì danh vọng nên thường giả tạo và làm việc ác, không ngồi thiền, thân miệng buông lung, hành động phóng dật, hoặc vì tham lợi dưỡng nên tự nói ngồi thiền thì Tỳ-kheo ấy phạm Thâu-lan-giá. Nếu không biết sửa đổi thì phạm mười ba Tăng-tàn. Nếu để qua một ngày đến hai ngày thì Tỳ-kheo ấy là giặc trong loài người, là đầu đảng của La-sát, chắc chắn đọa đường ác, phạm đại tội rất nặng. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không thấy xương trắng, tự

nói đã thấy, cho đến đếm hơi thở thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ mê hoặc chư Thiên, rồng, Quỷ thần...Bọn người ác này là ma Ba-tuần, vì sự nói dối nên tự nói “Ta đắc phép quán bất tịnh cho đến Đảnh pháp”. Hạng người này, sau khi chết rồi, nhanh như điện chớp rơi vào Địa ngục A-tỳ sống lâu một kiếp. Ra khỏi Địa ngục, đọa trong Ngạ quỷ, tám ngàn năm ăn hòn sắt nóng. Ra khỏi Ngạ quỷ, đọa vào Súc sanh, sống mang vác nặng, chết bị cắt da, trải qua năm trăm chết đi sống lại mới được sanh trong loài người. Khi làm người thường bị điếc, đui, câm, ngọng, tàn tật, trầm bệnh búa vây. Những nỗi thống khổ chồng chất như thế, không thể kể hết.

Bởi vậy, trong kệ của kinh Niệm Chánh Pháp dạy:

*Cam lồ và thuốc độc
 Điều từ trong miệng, lưỡi
 Cam lồ là lời thật
 Dối trá là độc hại
 Nếu người cần cam lồ
 Người ấy nói chân thật
 Người nào cần độc hại
 Người ấy nói dối trá
 Độc không quyết định chết
 Nói dối thì quyết định
 Nếu người nói dối trá
 Ấy là lời người chết
 Nói dối không lợi mình
 Không ích gì cho người
 Nếu mình, người không vui
 Tại sao lại nói dối?
 Nếu người ác phân biệt
 Ưa muốn nói dối trá
 Chết rơi trên đao, lửa
 Gặp khổ nào như thế
 Độc hại tuy rất ác
 Chỉ giết chết một thân
 Nghiệp ác nói dối trá
 Phá hủy trăm ngàn thân.*

Hơn nữa trong Kinh Tu Lại dạy: Đức Phật dạy: Hễ người nói dối là tự khinh mình, cũng khinh khi người khác. Người nói dối làm cho thân mình xấu xa, và niệng nói ra không ai tin tưởng, cũng tâm trở nên

buồn khổ. Người nói dối làm cho miệng mình dơ bẩn, làm cho sắc thân ấy bị Thiên thần bỏ rơi. Người nói dối làm mất hết nền tảng của nghiệp lành, tự mình bị ngu si, quên mất đường thiện. Người nói dối thường lấy các điều ác làm căn bản, nên dứt hết tất cả mọi nguồn gốc của hạnh lành.

Do đó, trong kinh Niệm Chánh Pháp, Vua Diêm-la nói kệ quở trách người mắc tội:

*Lời thật được an lạc
Lời thật đắc Niết bàn
Lời dối chịu quả khổ
Đời này, đời sau khổ
Nếu không bỏ nói dối
Tất chịu nhiều khổ sở
Lời thật không cần mua
Cũng dễ được, không khó
Thật chẳng nước khác đến
Chẳng cầu từ người khác
Vì sao bỏ lời thật,
Ưa muốn nói dối trá?
Người nói lời dối trá
Là nhân duyên Địa ngục
Nhân duyên trước đã tạo
Kêu ca có ích gì?
Lửa nói dối lớn nhất
Có thể thiêu biển cả
Hướng chi thiêu người dối
Như đốt cháy cỏ cây
Người nào bỏ lời thật
Mà dùng lời nói dối
Đó là người ngu si
Bỏ vàng mà lấy đá
Người nào không yêu mình
Mà thích ở Địa ngục
Lửa nói dối nơi thân
Ở kia tự thiêu mình
Lời thật rất dễ được
Trang nghiêm hết mọi người
Bỏ lời thật nói dối*

Ngư si đến cõi kia.

Lại nữa, trong luận Trí Độ kệ nói:

Lời thật: Giới đệ nhất

Lời thật: Lên thang Trời

Lời thật: Nhỏ như lớn

Lời dối: Vào Địa ngục.

Luận Tát-bà-đa dạy: Người không nói dối, nếu mà thuyết pháp, giảng luận hay nói về chuyện đúng, sai, thì không tự cho mình là đúng. Người này thường tìm tòi nguồn gốc nên không có lỗi. Chẳng qua, búa ở trong miệng.

Luật Thập Tụng dạy: Người nào thuộc dòng họ cao quý mà nói là thấp hèn. Người nào hai mắt mà nói một mắt. Tất cả việc ấy đều là nói dối. Lại nữa, người một mắt mà nói là người mù, đều mắc tội khinh não người khác.

Trong kệ tụng Chánh báo kệ nói:

Nói dối lừa gạt người

Chịu tội trong Địa ngục

Lửa, cưa nát thân mình

Sắc nóng cày trên lưỡi

Dùng nước đồng rót vào

Dùng sắt cứng phá thân

Thống khổ nát xương tủy

Rên rỉ khan cổ họng.

Bài kệ Tập báo nói:

Nói dối vào ba đường

Chịu tội ác hết rồi

Dư nghiệp sanh loài người

Bị phỉ báng, sâu não

Lại lừa gạt người khác

Tâm hận như lửa đốt

Người trí chớ nói dối

Thấy quả, nên diệt nhân.

Thứ 5: Duyên nói ác

Phàm phu lửa sân giận, độc hại thường cháy, gặp duyên sanh chướng, xúc cảnh khởi sân, cho nên phát ra lời nói giận dữ, từ miệng đốt tâm, trước tiên thì tổn hại mình, khổ như dao cắt, trái với tâm lành của Bồ-tát, ngược với lòng từ bi của Như Lai, nên nghiệp báo sai khác.

Bài kệ trong kinh dạy:

*Nói ác xúc não người
Thích nói xấu người khác
Cứng cỏi khó điều phục
Ngạ quỷ, miệng phát lửa.*

Luận Trí độ dạy: Hoặc có Ngạ quỷ đời trước nói lời ác, ưa nói lời thô ác với chúng sanh kia, làm cho chúng sanh oán ghét thấy như kẻ thù. Vì tội này nên đọa trong Địa ngục.

Kinh Pháp Cú dạy: Dù làm Sa-môn nhưng không giữ gìn thân miệng, nói lời thô ác thì bị nhiều đau thương, mọi người không thích, người trí không thương tiếc. Thân chết thì thân thức đi luân hồi trong ba đường ác, sống chết liên tục, khổ não vô lượng, ngay cả Chư Phật, Thánh hiền đều không thương tiếc. Giả sử chúng sanh không có lỗi lầm nơi thân nhưng nghiệp miệng không cẩn thận thì cũng đọa đường ác. Thế nên, trong luận dạy: “Lúc ấy, có một con Quỷ, đầu như đầu heo, trong miệng trùng dòi chảy ra, thân có màu vàng sáng chói. Đời trước, Quỷ này làm Tỳ-kheo dùng lời thô ác mắng Tỳ-kheo khác. Do thân trì giới nên thân có ánh sáng. Miệng nói lời thô ác nên trùng từ trong miệng chảy ra”.

Kinh Tăng Nhất A-hàm dạy: Thà dùng kiếm bén chặt đứt lưỡi mình, chứ không nói lời thô ác vì sợ đọa vào ba đường ác.

Kinh Hộ Khẩu dạy: Quá khứ, lúc Phật Ca Diếp xuất hiện ở đời, nhiều lần nói pháp, giáo hóa cùng khắp. Sau khi nhập Niết bàn, ở cõi Vô-dur Niết bàn thời có Tỳ-kheo thọ giới ba năm tên là Hoàng Đầu. Chúng tăng ra lệnh: “Tất cả sử tạp nạp không được xem qua, nên cùng Tỳ-kheo học sau mà nói pháp vi diệu”.

Lúc ấy, trong lòng Tỳ-kheo Hoàng Đầu khinh rẽ lệnh Tăng nên không tuân theo mà cùng với Tỳ-kheo học sau diễn nói nghĩa kinh cho họ: “Gọi người truyền trao kinh thứ nhất là con voi, người thứ hai là con ngựa, lại gọi là con lạc đà, con heo, dê, sư tử, hổ, gọi các loài thú như thế không tính kể hết”. Tuy Hoàng Đầu lãnh thọ nghĩa kinh mà không tránh khỏi tội lỗi. Thân hoại mạng chung đọa vào Địa ngục, trải qua ngàn vạn kiếp chịu khổ vô cùng vẫn chưa hết tội. Ra khỏi Địa ngục lại sanh vào trong biển cả, thọ thân hình loài ở dưới nước. Một thân trăm đầu, hình thể rất lớn. Các loài khác trông thấy đều bỏ chạy.

Kinh Xuất Diệu dạy: Lúc Phật còn ở đời, Tôn giả Mãn Túc đến cõi Ngạ quỷ, thấy một con Quỷ hình trạng xấu xí, người nào trông thấy đều phải kinh sợ đến nổi sấn gai ốc. Thân quỷ như đồng lửa lớn. Miệng

tuôn ra dòi, máu mủ chảy tràn, hôi thối không thể gần. Hoặc miệng phát ra lửa cháy đến mười thước. Hoặc mắt, tai, mũi, thân thể, tay chân phóng ra lửa cháy đến mười thước. Môi miệng vĩnh viễn, giống như heo rừng. Thân thể dài rộng một dặm. Tay cặp vào tai nên nó cất tiếng kêu gào, chạy từ đằng Đông sang đằng Tây. Mãn Túc trông thấy rồi hỏi: Người đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu khổ như thế?

Nga quỷ đáp: Xưa tôi là người xuất gia, luyện tiếc phòng ốc, xan tham không bỏ, tự ý mình là con nhà cao quý, nên nói năng thô ác, thấy Tỳ-kheo trì giới tinh tấn thì đến chửi mắng họ. Do tạo tội ở miệng, ở mắt, hoặc tội thị phi nên chịu khổ này. Thà dùng dao bén cắt lưỡi của mình chứ không nên một ngày mắng nhiếc Tỳ-kheo trì giới tinh tấn. Bởi thế, nếu Tôn giả trở về cõi Diêm-phù thì nên đem hình trạng con để răn dạy các Tỳ-kheo: “Khéo giữ lỗi ở miệng, chớ vọng nói ác. Thấy người trì giới, nên khen ngợi công đức của họ”. Từ khi thọ thân Nga quỷ đến nay, con đã trải qua ngàn vạn năm thường phải chịu khổ này. Sau khi qua đời lại vào Địa ngục. Khi nói lời này xong, Nga quỷ khóc lóc, nằm xuống đất giống như núi Thái sơn sụp đổ. Đất Trời đảo lộn. Đây là do lỗi ở miệng tạo ra vậy.

Kinh Bách Duyên dạy: Có người vợ của Trưởng giả mang thai, nhưng thân của bà thể hôi hám khiến cho mọi người không thể gần. Đủ tháng, cô ta sanh được một đứa con, xương sườn liền nhau, óm o, tiêu tụy, không thể nhìn được. Trên thân thường có nhiều phân tiểu chảy ra. Đứa trẻ lớn dần, không muốn ở nhà, thích ăn phân dơi, không chịu lìa bỏ. Cha mẹ, bà con chán ghét không muốn trông thấy nên đuổi nó đi xa, không cho qua lại. Mọi người thấy thế nên gọi nó là Diêm-bà-la. Sau đó, Diêm-bà-la gặp Phật, xuất gia, tu hành và chứng quả A-la-hán.

Trong quá khứ, vào thời đức Phật Câu Lưu Tôn xuất hiện ở đời, có một người xuất gia làm trụ trì. Có nhiều thí chủ đến cúng dường dầu thơm để chúng Tăng tắm và dùng xoa thân. Thuở đó trong Tăng chúng ấy, có một vị La-hán, do trụ trì không biết nên thấy vậy liền la mắng: “Ông là người xuất gia mà dùng dầu thơm xoa thân. Ta nhìn trên thân ông giống như người bôi phân”. La-hán thương xót ông ta, liền hiện thần thông. Chủ chùa thấy rồi, sám hối bái tạ xin trừ tội lỗi. Do nghiệp ác mắng nhiếc này nên trong năm trăm đời, thân thường dơ uế, không thể gần gũi. Nhờ xưa kia xuất gia theo Phật, sám hối La-hán nên nay được gặp Ta, xuất gia, đắc đạo. Thế nên, chúng sanh cần giữ nghiệp miệng, chớ nên mạ nhục nhau.

Kinh Hiền Ngu dạy: Xưa kia, khi Phật còn ở đời, Ngài cùng với

các Tỳ-kheo đi đến sông Lê-việt ở Tỳ-xá-ly, thấy người làm nghề đánh cá, buông lưới bắt được một con cá có trăm cái đầu. Có năm trăm người kéo cá lên không được. Lúc ấy, bên bờ sông có năm trăm người chăn bò nên họ liền đến nhờ kéo giúp. Ngàn người gộp sức lại mới kéo nó lên được. Trông thấy sự việc quái lạ nên mọi người tranh nhau xem. Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến chỗ cá. Đức Phật hỏi cá: Người là Ca-tỳ-lê phải không?

Cá đáp: Vâng.

Hỏi: Mẹ ngươi nay ở nơi nào?

Đáp: Đọa Địa ngục A-tỳ.

A Nan thấy vậy liền hỏi Phật về nhân duyên kiếp trước. Phật dạy A Nan: Quá khứ vào thời Phật Ca diếp, có Bà-la-môn sanh được một đứa con trai tên là Ca-tỳ-lê. Chàng ta thông minh, sáng suốt, đa văn đệ nhất.

Sau khi cha mất, người mẹ hỏi chàng: Nay con là người thông minh nhất. Trên đời còn có ai hơn con không?

Chàng đáp: Sa-môn là bậc thù thắng nhất. Nếu con có những điều nghi ngờ, con đến hỏi Sa-môn thì Sa-môn giải thích cho con hiểu rõ. Người ấy hỏi con thì con không trả lời được.

Người mẹ hỏi: Sao bây giờ con không học pháp của ông ta?

Chàng đáp: Người nào muốn học pháp ấy thì phải làm Sa-môn. Con là người ở đời thì làm sao học được?

Người mẹ nói: Nay con có thể giả làm Sa-môn, học thông suốt rồi thì trở về nhà.

Người con nghe lời, liền xuất gia làm Sa-môn, chỉ trong một thời gian ngắn đã học thông suốt Tam tạng liền xin hoàn tục trở về nhà. Người mẹ lại hỏi con: Bây giờ, con đã hơn họ chưa?

Chàng đáp: Chưa hơn.

Người mẹ nói: Từ nay trở đi, có đàm luận với họ, lúc nào không trả lời được thì con có thể nhục mạ họ. Như thế thì con sẽ hơn.

Người con nghe lời, sau đó đàm luận không được liền mắng nhiếc: “Các ông Sa-môn ngu si vô trí, đầu như đầu thú. Đầu các ông như trăm đầu thú”. Do mắng nhiếc như thế nên nay phải làm thân cá. Một thân có trăm đầu thu khác nhau như: Lừa, lạc đà, trâu, ngựa, heo, dê, chó... đều có đủ cả.

A Nan bạch Phật: Đến bao giờ thì mới được thoát thân cá?

Đức Phật dạy: Trong hiện kiếp này, hoặc quá khứ ngàn đức Phật, người ấy vì nghiệp duyên kia nên không thoát được thân cá này. Vì vậy,

nên đối với nghiệp thân, miệng, ý thì không thể không cẩn thận!

Truyện Hạnh Vua Huyền Sách dạy: Khi còn ở đời, Phật thấy chúng sanh ở thành Tỳ-da-lợi bị khổ não liền đến cứu giúp nên Ngài mới đi qua nước này. Lúc ấy, hai nhóm Kê-việt-tra gồm năm trăm người đang ở trên sông Bà-la Câu-mạt-để giăng lưới bắt cá lớn Ma-kiệt có mười tám đầu, ba mươi sáu mắt. Đầu cá có nhiều đầu thú... (Như trên). Đức Phật vì nó mà thuyết pháp. Cá nghe pháp rồi liền chết và được sanh lên cõi Trời làm Thiên tử. Thiên tử quán biết trước đây mình là một con cá lớn, nhờ nghe Phật thuyết pháp liền được sanh lên cõi Trời. Thiên tử liền đem các hương hoa, anh lạc, châu báu trên Trời xuống cúng dường Phật. Lúc ấy, cả hai nhóm đánh bắt cá đều phát tâm sám hối. Cách phía Bắc sông Câu-mạt-la hơn một trăm bước, họ đốt bỏ lưới đánh cá. Thu lấy tro đựng đầy bình đồng, họ đem đến chỗ thuyết pháp, để ở trên tháp, tôn tượng trang nghiêm, đến nay vẫn còn.

Cho nên phải biết người tu tập như pháp thì được sanh vào cõi lành.

Kinh Bách duyên dạy: Xưa kia, khi Phật còn ở đời, Phu nhân Mạt Lợi, vợ Vua Ba-tư-nặc sanh một người con gái tên là Kim Cang. Mặt mày xấu xí, thân thể thô kệch, da nhám sì như da rắn, đầu tóc thô cứng như lông ngựa. Vua cảm thấy không vui liền ra lệnh nhốt vào thâm cung, không cho ra ngoài. Cô ta lớn dần, đến tuổi lập gia đình. Vua sai một vị thần: Khanh tìm kiếm một người, vốn là dòng quý tộc, nay bị nghèo khó, khanh có thể dẫn đến đây.

Vị thần ấy nhận lệnh rồi tìm được người đem đến cho Vua. Vua dẫn người kia đến chỗ khuất, nói nhỏ: Trẫm nghe khanh con nhà hào kiệt, nay bị bần cùng. Trẫm có đứa con gái mặt mày xấu xí, khanh vui lòng nhận cho. Trẫm sẽ cung cấp nuôi dưỡng.

Lúc ấy, người nghèo quỳ thưa: Nếu như Đại vương ban cho con chó thì tiện dân cũng không dám trái lệnh. Huống chi là con gái của Vua và Phu nhân Mạt Ly đã sanh ra.

Vua liền gả con và làm cho tòa nhà gồm bảy lớp cửa. Vua dặn phò mã phải tự mình khóa cửa lại mỗi khi ra vào, chớ để người ngoài trông thấy cô ta. Vua xuất cửa cải cung cấp đầy đủ cho con rể và phong làm Đại thần, sau cho bàn luận cùng với các nhà hào quý. Theo luật thì đến ngày hội, vợ chồng phải cùng đi. Các Đại thần khác đều dẫn vợ đến, riêng Đại thần này chỉ đi một mình, không dẫn vợ theo. Mọi người nghi ngờ về việc quái lạ này: “Vợ người kia có lẽ là rất xinh đẹp, hoặc là rất xấu xí, không thể ra ngoài, cho nên không đến”. Do đó, mọi người

âm thầm phục rượu, làm cho phò mã say sưa rồi mở lấy khóa cửa và sai năm người đến nhà nhìn xem. Đến nơi, họ mở cửa, người vợ nghi là chẳng phải chồng mình, trong lòng tự trách, áo nã mà nói: “Xưa kia, ta gây tội gì mà nay bị chồng giam giữ, không thấy đến Trời, Trăng”. Cô ta liền quỳ xuống, chí tâm đảnh lễ Thế Tôn: “Nguyện Phật từ bi hiện đến trước con, tạm cứu giúp con qua cơn khổ nạn này”.

Đức Phật biết được tâm nguyện liền từ đất vọt lên, ở trước mặt cô ta, hiện tướng tóc xanh biếc. Cô ta ngẩng đầu lên thấy tướng tóc của Phật, thì tỏ lòng cung kính, hoan hỷ. Cho nên, tóc cô ta tự nhiên xanh biếc. Đức Phật hiện đến tướng mặt thì tâm cô ta càng hoan hỷ gấp bội nên mặt cô ta lại xinh đẹp, đoan chánh, làm cho da thô tự nhiên biến mất. Đức Phật hiện toàn thân làm cho cô ta tận mắt trông thấy thì cô ta càng thêm hoan hỷ nên thân thể trở nên đoan chánh giống như Tiên nữ. Phật liền nói pháp vi diệu cho cô ta nghe, liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Sau khi đức Phật đi khỏi thì năm người vào, trông thấy cô ta đoan chánh không ai sánh bằng. Xem xong, họ đóng cửa lại rồi bỏ khóa ở chỗ cũ.

Người chồng về nhà thấy vợ xinh đẹp, vui mừng hỏi: Nàng là ai?

Cô ta đáp: Thiếp là vợ của chàng.

Chồng hỏi: Trước đây nàng xấu xí, bây giờ do đâu mà xinh đẹp, đoan chánh vậy?

Cô ta liền kể hết sự việc trên rồi nói: Thiếp muốn gặp Phụ vương. Chàng hãy tâu trình lên cho thiếp.

Người chồng đến tâu Vua: Hiện giờ, Lang nữ muốn đến gặp Đại vương.

Vua nói: Chớ nên nói việc này! Hãy nhanh chóng đóng cửa lại, cẩn thận chớ để cô ta ra ngoài.

Phò mã thưa: Nay, Lang nữ nhờ oai thần của Phật nên được đoan chánh, xinh đẹp như Tiên nữ.

Vua nghe như vậy, liền sai nghinh đón. Trông thấy cô ta đoan chánh, Vua hoan hỷ vô cùng, liền đi đến chỗ Phật, thưa: Bạch Thế Tôn! Con không biết đời trước con gái con đã tạo phước gì, nay mới được sanh vào nhà hào quý mà lại xấu xí.

Đức Phật dạy: Quá khứ, ở nước Ba-la-nại có Trưởng giả thường cúng dường một vị Phật Bích Chi, thân thể xấu xí. Bấy giờ, con gái Trưởng giả thấy Phật Bích Chi như thế nên ác tâm nhục mạ: “Người gì mà mặt mày xấu xí, da thô nhám sì. Người ở đâu mà đáng ghét thế?”

Lúc ấy, Phật Bích Chi muốn nhập Niết bàn liền hiện mười tám phép biến hóa. Cô ta thấy rồi liền tự trách mình, thành khẩn sám hối.

Do quá khứ mắng Phật Bích Chi nên khi sanh ra thường xấu xí. Nhờ phước cúng dường nên được sanh vào nhà giàu có, tôn quý, sung sướng vô cùng.

Kinh Hưng khởi hạnh dạy: Quá khứ, Thích Ca dùng lời ác mắng Ca Diếp: “Sa-môn đầu trọc, đầu có đạo Phật” nên bây giờ một ngày ăn một hạt mè, một hạt gạo, một hạt đậu, phải chịu khổ hạnh trong sáu năm như thế.

Do vậy, trong kệ kinh Tu Hành Đạo Địa nói:

*Ngu si tâm cứng cõi
Không mềm dẻo, nói thiện
Thường hại, ác, hai lưỡi
Nói ra không rõ ràng
Dơ ứ ở nơi tâm
Như lửa than lấp tro
Đạp phải cháy chân người
Thường nói lời nhu hòa
Tùy thuận theo mọi người
Nói sao thì làm vậy
Thân tâm không hại người
Thí như cây hoa thơm Quả
nó cũng ngon ngọt Phật
giảng nói như vậy*

Tâm, miệng phải cẩn thận

Kinh Bách Duyên dạy: Lúc Phật còn ở đời, trong thành Vương-xá có một Trưởng giả có của báu nhiều vô lượng, không thể tính kể. Vợ của Trưởng giả mang thai đã mười tháng nhưng chưa sanh. Sau đó, người mẹ lại có thai, đủ tháng, đủ ngày thì sanh con. Tuy nhiên thai lúc trước ở sườn bên phải vẫn còn nằm trong bụng. Như vậy, người mẹ cứ mang thai và chín người con đều được sanh ra đủ tháng, đủ ngày. Chỉ có một người con ở lại trong thai, không chịu ra ngoài. Bấy giờ, người ấy bệnh nặng, dùng đủ thuốc thang để chữa trị nhưng không thuyên giảm. Do đó, bà bảo mọi người trong nhà: “Đứa con trong bụng ta đang sống. Bây giờ, nếu ta chết đi thì phải mổ bụng để lấy nó ra mà nuôi dưỡng”

Lúc ấy, do bệnh quá nặng, không chữa trị được nên bà qua đời. Sau đó, quyến thuộc đem thi thể ấy để giữa nhà và mời thầy tài giỏi đến mổ bụng, lấy đứa con ra. Đứa trẻ nhỏ xíu nhưng tóc thì trắng toát, khom lưng mà đi, nhìn quanh mọi người rồi nói: “Các người nên biết! Bởi vì đời trước tôi nói lời thô ác nhục mạ chúng Tăng nên phải ở mãi

trong bào thai, trải qua sáu mươi năm, chịu khổ não này, khó mà nói ra”. Thân quyến nghe rồi, thương cảm khóc lóc, không thể nói được.

Lúc ấy, Thế Tôn ở xa biết được đứa trẻ này, căn lành đã thuần thực, liền dẫn đại chúng đến chỗ thi hài.

Đức Phật hỏi đứa trẻ: Người là Tỳ-kheo trưởng lão?

Đứa trẻ thưa: Dạ đúng.

Đức Phật hỏi đến ba lần, đứa trẻ cũng đáp như vậy. Khi nghe đức Phật cùng đứa trẻ đối đáp thế, đại chúng càng thêm nghi hoặc, liền bạch Phật:

Trước đây bé già khom này đã tạo nghiệp gì mà phải ở mãi trong bào thai cho đến lúc tóc bạc, già khom và tại sao lại hỏi đáp với Như Lai?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo đại chúng: Trong hiền kiếp này, có đức Phật Ca Diếp ra đời. Lúc ấy, các Tỳ-kheo cùng an cư. Chúng tăng hòa hợp cử một Tỳ-kheo niên cao, lập trưởng làm Duy-na và trong Tăng cùng lập quy trong Tăng cùng lập nội quy: “Đối với Tỳ-kheo an cư phải đắc đạo mới cho phép Tự tứ. Người chưa đắc đạo không cho Tự tứ”.

Lúc ấy, chỉ có Tỳ-kheo làm Duy-na chưa đắc đạo nên Tăng không cho Bố-tát Tự-tứ. Vì thế, ông sầu não, nghĩ: “Ta chỉ làm việc quản lý Tăng để họ an ổn hành đạo. Nay bọn chúng trở mặt, không cho ta cùng Tự-tứ, Bố-tát, Yết-ma”. Do đó, ông ta liền sân giận, mạ nhục, đuổi hết chúng Tăng, rồi đóng cửa phòng, nói: “Mong sao cho các người thường ở chỗ tối tăm như ta đang ở trong phòng tối này”. Nói xong, ông ta tự sát, liền rơi vào Địa ngục, chịu nhiều khổ não, đến nay mới được thoát khỏi, nên phải ở mãi trong thai chịu khổ não này.

Chúng Tăng nghe rồi, ai nấy đều hộ trì ba nghiệp, nhằm chán sanh tử. Có người đắc Bốn quả Sa-môn. Có người phát tâm Duyên-giác. Có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Lúc ấy, quyến thuộc dắt cậu bé già về nhà nuôi dưỡng. Đến lúc trưởng thành, cậu ta xuất gia, tu hành và đắc quả A-la-hán.

Đức Phật dạy chúng Tăng: Nhờ xưa kia cúng dường chúng Tăng và làm Duy-na, nên nay được gặp Ta, xuất gia tu hành đắc đạo.

Các Tỳ-kheo nghe rồi đều hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ Chánh báo:

*Miệng ác như tên độc
Bản vật bị tổn thương
Địa ngục mở cửa chờ
Vứt nó vào nồi đồng*

*Cắt lưỡi, uống nước đồng Khổ não khó
nghĩ lường Nếu cho thân vô ích
Cẩn thận miệng hại gì Bài tụng Tập
báo:
Ác khẩu nhiều ngỗ nghịch Bị Địa ngục
thiêu đốt
Có dư báo loài người Lại nghe lời dao,
kiếm Nếu đàm luận với người Bị người
oán tranh tụng Báo xua, cam tâm chịu Bỏ
ác thì thiện hiện*

CHỮ KINH TẬP YẾU (HẾT - QUYỂN
14)

